

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Thúy Phụng**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** - Bà **Nguyễn Thị Bé**

- Bà **Nguyễn Thị Trang**

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn T** Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị đơn:*** Bà **Phan Ng**. Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày thì:***

Ông và bà Phan Ng có quen biết, tìm hiểu về nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ xã K, huyện Đ. Sau khi cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc được 02 tháng. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà Ng không yêu thương con riêng của ông từ đó hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Đến ngày 18/10/2021 khi ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn thì vợ ông bảo đang có thai. Nên ông đã liên hệ và đón vợ về chung sống lại. Nhưng chỉ được một thời gian thì hai vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn bà Ng bỏ nhà đi từ tháng 10/2021 cho đến nay.

Nay ông xác định không còn tình cảm với bà Ng, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Ng.

Về con chung trong thời gian chung sống ông và bà Ng có một con chung nhưng khi bà Ng bỏ nhà đi thì đang mang thai và hiện nay theo ông biết thì đã sinh con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

*** Theo lời khai của bà Phan Ng trong quá trình giải quyết vụ án thì:**

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như ông Nguyễn T trình bày là đúng. Cuộc sống hôn nhân của ông bà không dung hòa được các mối quan hệ, không thông cảm cho nhau để cùng vun vén, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T nữa nên bà chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn thì về con chung bà muốn nhận nuôi con chung là bé trai, sinh ngày 04/5/2022 nhưng chưa đặt tên, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông T, bà Ng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn. Về con chung, xét thấy con chung của ông T, bà Ng mới sinh, chưa được 36 tháng tuổi và bà Ng muốn nhận nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phan Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Ng và ông Nguyễn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/7/2021. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Ng. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phan Ng và ông Nguyễn T đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của bà Nguyệt và ông T là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống ông T, bà Ng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, không thông cảm, giải quyết hài hòa mối quan hệ hai bên gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt đến mức không thể hàn gắn được, bà Ng đã bỏ nhà đi từ tháng 10/2021 cho đến nay. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Ng, bà Ng cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp.

[4] **Về con chung:** Ông T xác nhận giữa ông và bà Nguyệt có với nhau con chung, khi bà Ng bỏ nhà đi thì con chưa sinh, bà Ng cũng thống nhất nội dung này. Hiện nay bà Ng đã sinh con ngày 04/5/2022 nhưng chưa đặt tên, bà Ng có nguyện vọng được tiếp tục nhận nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và cháu chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao bé trai sinh ngày 04/5/2022, theo giấy chứng sinh do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/5/2022 nhưng chưa đặt tên cho bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên tòa, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ-2.000.000đ/tháng, tuy nhiên bà Ng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc ông Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Phan Ng được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là bé trai, sinh ngày 04/5/2022 theo giấy chứng sinh do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/5/2022 nhưng chưa đặt tên cho bà Phan Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn T phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án nhưng được trừ vào số

tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006155 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã K, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng

